

Số: 415/2020/QĐST-HNGĐ

Thành phố H, ngày 17 tháng 8 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Căn cứ Điều 212, Điều 213, khoản 4 Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 380/2020/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2020 về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn*”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh Nguyễn Cửu T, sinh năm 1988; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Số 28 đường L, phường P, thành phố H, tỉnh T.

- Chị Hoàng Thị T, sinh năm 1994; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 28 đường L, phường P, thành phố H, tỉnh T;

Chỗ ở hiện nay: Thôn C, xã P, huyện P1, tỉnh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Cửu T và chị Hoàng Thị T sau thời gian tìm hiểu được khoảng 03 năm rồi đi đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện; được sự cho phép của hai gia đình có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố H, tỉnh T vào ngày 15/10/2018. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống tại nhà cha, mẹ anh T tại số 28 đường L, phường P, thành phố H, tỉnh T. Thời gian đầu mới kết hôn, vợ chồng sống với nhau hạnh phúc, thỉnh thoảng có cãi vã nhau do xích mích về kinh tế gia đình. Từ đầu năm 2020, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng cũng do kinh tế gia đình và nuôi con. Tình trạng này cứ kéo dài như vậy, nhưng vợ chồng không có biện pháp gì để khắc phục. Cho nên sau khi sinh con, chị Trinh đã bồng con về nhà cha mẹ chị đẻ ở. Từ đó, vợ chồng đã sống ly thân không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng không thể khắc phục được. Nên anh Nguyễn Cửu T và chị Hoàng Thị T cùng gửi đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh chị được thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Anh Nguyễn Cửu T và chị Hoàng Thị T có 01 con chung là cháu Nguyễn Hoàng Thiên K, sinh ngày 06/02/2020. Hiện nay, cháu K đang do

chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Nay thuận tình ly hôn anh Nguyễn Cửu T và chị Hoàng Thị T thỏa thuận như sau: Giao cháu Nguyễn Hoàng Thiên K, sinh ngày 06/02/2020 cho chị Hoàng Thị T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu K trưởng thành, đủ 18 tuổi. Chị Hoàng Thị T không yêu cầu anh Nguyễn Cửu T cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Anh Nguyễn Cửu T và chị Hoàng Thị T trình bày vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: Anh Nguyễn Cửu T và chị Hoàng Thị K, mỗi người phải chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm mà anh T và chị K đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0000091 ngày 13/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh T. Anh Nguyễn Cửu T và chị Hoàng Thị T đã nộp đủ, nay không phải nộp.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Cửu T và chị Hoàng Thị T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hoàng Thiên K, sinh ngày 06/02/2020 cho chị Hoàng Thị T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu K trưởng thành, đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Cửu T không cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh Nguyễn Cửu T và chị Hoàng Thị T không có tài sản chung và nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Nguyễn Cửu T và chị Hoàng Thị K, mỗi người phải chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm mà anh T và chị K đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0000091 ngày 13/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh T. Anh Nguyễn Cửu T và chị Hoàng Thị T đã nộp đủ, nay không phải nộp.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thừa Thiên H;
- VKSND thành phố H;
- Chi cục THADS thành phố H;
- UBND phường P, thành phố H (Anh T và chị T ĐKKH số 72/2018 ngày 15/10/2018);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự;
- Lưu dân.

THẨM PHÁN

Huỳnh Trọng C